

Bản án số: 201/2022/DS-PT

Ngày: 24/8/2022

V/v “tranh chấp đòi quyền sử
dụng đất cho ở nhờ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Ông Bùi Thanh Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Cần Thơ

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố
Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2021/TLPT- DS ngày
28 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất cho ở nhờ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 83/2021/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021
của Tòa án nhân dân quận C bị nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐ-PT ngày
18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1936; địa chỉ: Số 18/6, Khu vực
S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh
năm 1963; địa chỉ: Số 18A/6, Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần
Thơ; văn bản ủy quyền ngày 08/3/2021; có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 17A/6, Khu vực S,
phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 17A/6, Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; xin vắng mặt.

- Ông Huỳnh Trung H1, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 17A/6, Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Ngọc M và ông Huỳnh Trung H1: Ông Trần Lâm S, sinh năm 1961; địa chỉ: 29B đường số 3, KDC P, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn B trình bày:

Nguyên đơn sử dụng phần đất thuộc thửa 179 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00058 (A461343) do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 09/9/1995. Đất của ông giáp thửa 173 của ông Huỳnh Văn Đ. Năm 1999 ông Huỳnh Văn Đ cho con là Huỳnh Văn N sử dụng để cất một cái chòi lá và có một phần nằm trên đất của ông. Việc này ông Huỳnh Văn Đ có xin và được ông cho ở tạm. Đến năm 2007 mặc dù nguyên đơn không đồng ý nhưng ông Huỳnh Văn N vẫn cất lại thành ngôi nhà tường kiên cố. Nguyên đơn có làm tờ trình nhờ chính quyền can thiệp nhưng không được nên ông Huỳnh Văn N đã hoàn thành xây nhà kiên cố xong. Năm 2016 nguyên đơn có khiếu nại lên UBND phường nhưng vẫn không thành và do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên nguyên đơn để vụ việc trôi đến nay.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất đã cho ở nhờ có diện tích tranh chấp là $(4 \times 12 \times 5,2) = 60m^2$, tự nguyện hoàn hỗ trợ chi phí di dời cho bị đơn 20.000.000 đồng.

Bị đơn Huỳnh Văn N trình bày: Phần đất mà ông sử dụng có nguồn gốc của bà nội Nguyễn Thị Trinh (chết ngày 20/5/2001-BL 24) cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00139 ngày 09/9/1995. Bà Nguyễn Thị Trinh cho cha là Huỳnh Văn Đ một phần nhưng chưa tách thửa. Khi nguyên đơn kê khai đo đạc để đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chỉ đo trùm qua đất mà bà Nguyễn Thị Trinh đã cho Huỳnh Văn Đ. Sau khi bị phát hiện nguyên đơn đã hỏi ông Huỳnh Văn Đ mua lại phần đo trùm qua với giá 3 chỉ vàng 24K (có ký giấy mua bán tay ngày 18/11/1995). Nhưng hôm sau thì không đồng ý mua nữa mà trả lại nên cha là ông Huỳnh Văn Đ cho ông xây nhà ở riêng. Nguyên đơn đã chỉ ranh mốc giới nên ông xây nhà và sử dụng liên tục, ổn định trên đất đến nay hơn 24 năm, vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu trả lại đất của nguyên đơn.

Người liên quan Huỳnh Ngọc M và Huỳnh Trung H1: thống nhất quan điểm như bị đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 83/2021/DSST ngày 12/11/2021 của TAND quận C đã tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn B đòi bị đơn Huỳnh Văn N phải trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 55,6 m² tọa lạc tại Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 21/TTKTTNMT ngày 16/6/2021.

2/ Ổn định diện tích 55,6 m² cho ông Huỳnh Văn N sử dụng theo Bản trích đo địa chính số 21/TTKTTNMT ngày 16/6/2021, có diện tích các số đo cụ thể như sau: chiều dài giáp đất ông Trần Văn B là 11,3m; chiều dài giáp đất bà Nguyễn Thị Trinh là 11,68 m; chiều ngang phía sau giáp hộ Trần Văn B là 5,47m, chiều ngang phía trước nhà giáp đường đi là 4,2m. Ông Huỳnh Văn N có nghĩa vụ tự liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định. (Có Bản trích đo kèm theo).

Ngoài ra, bản án trên còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí đo đạc, định giá, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Do không đồng ý với bản án sơ thẩm nên nguyên đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo là yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng 55,6m² đất, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn có cung cấp cho HĐXX bản sao bản án phúc thẩm số 102 ngày 13/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ; Bị đơn có cung cấp 03 hình ảnh bị đơn cho rằng đây là căn nhà củ trước đây của bị đơn và nguyên đơn đã tự xác định mốc giới, ranh giới đất giữa 02 nhà.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm trong việc Thụ lý xét xử phúc thẩm (Điều 285); Chuẩn bị xét xử phúc thẩm (Điều 286); Cung cấp tài liệu, chứng cứ (Điều 287); Triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm (Điều 294) của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, đối với phần diện tích 55,6m² thuộc GCNQSDĐ số 00058 (A461343) do ông Trần Văn B đứng tên QSDĐ, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là thuộc QSDĐ của bà Nguyễn Thị Trinh (bà nội của bị đơn), do thời điểm đo đạc để cấp giấy nguyên đơn đã cố ý chỉ trù lên phần đất của bị đơn sau đó có thỏa thuận để mua lại phần đất tranh chấp nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, thời điểm bà Nguyễn Thị Trinh được cấp GCNQSDĐ tại thửa 173 và nguyên đơn ông Trần Văn B được cấp GCNQSDĐ tại thửa 179 là cùng ngày 09/9/1995 nhưng bà Nguyễn Thị Trinh không có khiếu nại về việc cấp giấy đối với phần diện tích của nguyên đơn. Đến năm 2001 bà Nguyễn Thị Trinh mất, những người thừa kế của bà Trinh đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của bà Nguyễn Thị Trinh để lại là phần đất tại thửa 173 đất tọa lạc tại Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Tại bản án sơ thẩm số 20 ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân quận C và bản án phúc thẩm số 102 ngày 13/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (chứng cứ mới nguyên đơn cung cấp ở giai đoạn phúc thẩm), nội dung các bản án trên thể hiện: đã công nhận cho bị đơn ông Huỳnh Văn N được hưởng phần di sản do bà Nguyễn Thị Trinh để lại tại thửa 173 (có sơ đồ kèm theo bản án), tại vị trí 1 diện tích 40m², là phần vị trí bị đơn sử dụng hiện nay. Tuy nhiên, phần diện tích bị đơn sử dụng nhiều hơn so với phần diện tích bị đơn được nhận thừa kế.

Theo kết quả đo đạc ở giai đoạn sơ thẩm, tại bản trích đo địa chính số 21 ngày 16/6/2021 thể hiện phần tranh chấp vị trí (A) diện tích 55,6m². Quá trình Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết, các đương sự có yêu cầu đo đạc lại phần đất tranh chấp và tại bản trích đo địa chính số 49 ngày 23/5/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ thể hiện tổng diện tích bị đơn ông Huỳnh Văn N sử dụng là 79,5m², nhiều hơn phần diện tích ông N được nhận di sản thừa kế từ bà Nguyễn Thị Trinh là 39,5 m², nên có cơ sở cho rằng phần đất ông N đang sử dụng dư diện tích 39,5m² là thuộc quyền sở hữu hợp pháp do nguyên đơn ông Trần Văn B đứng tên. Như vậy, việc tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp.

Từ các phân tích trên cho thấy kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

Do hiện tại bị đơn đã xây nhà kiên cố trên đất và sử dụng ổn định từ trước đến nay, nên cần thiết buộc bị đơn phải thanh toán lại phần giá trị đất đối với phần diện tích 39,5 m² cho phía nguyên đơn. Tại biên bản định giá tài sản ngày 23/4/2021 của Hội đồng định giá xác định phần đất tranh chấp có giá thị trường là 2.000.000 đồng/m²: 39,5m² x 2.000.000 đồng = 79.000.000 đồng. Vì vậy, giá trị bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn là 79.000.000 đồng.

Từ các phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả giá trị phần diện tích 39,5m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn B, theo đơn kháng cáo và lời trình bày của đại diện ủy quyền ông B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Văn N trả lại cho ông quyền sử dụng đất có diện tích 55,6m² tọa lạc tại Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất nêu trên với lý do phần đất tranh chấp nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã cho bị đơn mượn cất nhà ở nhờ từ năm 1996. Tuy nhiên, quá trình giải quyết nguyên đơn không có chứng cứ để chứng minh được việc cho ở nhờ và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn cũng xác định việc cho ở nhờ không có lập văn bản. Ngược lại bị đơn trình bày nguồn gốc đất là thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Trinh là bà nội của bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm với nguyên đơn (cùng ngày 09/9/1995). Thời điểm này là giai đoạn cấp giấy đại trà theo chủ trương chung nên việc đo đạc có hạn chế, không có số đo cụ thể tứ cạnh của các thửa đất và các bên cũng không có ký giáp ranh trong quá trình lập hồ sơ địa chính. Khi kê khai đo đạc đề cấp giấy chứng nhận nguyên đơn đã chỉ đo trùm qua đất bà Nguyễn Thị Trinh, do đó sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chính nguyên đơn thỏa thuận mua phần diện tích (2,8 x 3 x 17)m² của chính mình và đã được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình. Việc này nguyên đơn đã “thừa nhận có ký vào Giấy mua bán viết tay ngày 18/11/1995 có chữ ký xác nhận của ông Đoàn Văn Tân là trưởng ấp” tại Biên bản hòa giải ngày

05/3/2021 (BL 114-115). Ngoài ra, diện tích đất nguyên đơn được công nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00058 (A461343) do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 09/9/1995 là 2.680m² (BL 21-22) nhưng qua đo đạc thực tế hiện tại nguyên đơn đang sử dụng 2.839.1m² là nhiều hơn so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị Trinh được công nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00139 ngày 09/9/1995 là 1.883m² (BL 32-33) và thực tế thửa đất là 1.457,6m².

Mặc khác, theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2020 (BL 29) nguyên đơn trình bày vào năm 2016 có khiếu nại ông Huỳnh Văn N lên UBND phường H nhưng không thành và cán bộ địa chính phường không cung cấp được Biên bản hòa giải cho ông là không đúng. Theo Biên bản hòa giải ngày 13/10/2016 tại UBND phường H, quận C do bị đơn cung cấp (bản gốc, BL 48-49) thì người yêu cầu giải quyết tranh chấp là ông Huỳnh Văn Đ, người bị khiếu nại mới là nguyên đơn Trần Văn B, theo đó thì nguyên đơn thừa nhận “đất tôi đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ranh mốc ổn định, từ trước đến nay hai bên đã sử dụng ổn định.... Phần nhà của Huỳnh Văn N con ông B tạm thời để nguyên hiện trạng không ai thay đổi, hiện nằm trên quyền sử dụng đất của tôi vẫn để cho cháu N ở tôi không yêu cầu tháo dỡ nhà để cháu ở luôn”. Căn cứ vào Giấy thỏa thuận mua bán tay ngày 18/11/1995 và ông N xác định thực tế đã cất nhà và sinh sống trên phần đất này từ khi cất nhà năm 1996 đến nay. Phía nguyên đơn cũng xác định ông Huỳnh Văn N cất nhà lá ở trên đất từ năm 1996. Thậm chí nhà và gia đình nguyên đơn cũng ở cặp vách kế bên nhưng không phản đối cũng không ngăn cản. Điều này chứng minh phần đất ông Huỳnh Văn N sử dụng tuy thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00058 (A461343) do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 09/9/1995 do nguyên đơn đứng tên nhưng không trực tiếp quản lý, sử dụng từ khi được cấp quyền sử dụng đất, thực tế ông N là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất công khai, ổn định, liên tục trong thời gian dài gần 25 năm mà không có ai tranh chấp. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên ổn định cho sử dụng phần đất này là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là Bản án số 102/2015/DS-PT ngày 13/7/2015 về tranh chấp thừa kế để chứng minh bị đơn chỉ được quyền sử dụng 80m² đất thừa kế trong đó có 40m² giáp với phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, cũng tại bản án này, trong phần nhận định có thể hiện đối với phần đất ông N đang sử dụng (phần tranh chấp hiện nay) nếu có tranh chấp với ông Trần Văn B sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Như vậy, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chỉ xác định phần đất đang tranh chấp do ông N đang sử dụng và chưa xác định ai là người có quyền sử dụng phần đất này.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là chưa có cơ sở chấp nhận. Đối với phần đất đang tranh chấp do bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc công nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, bị đơn đã sử dụng liên tục, ổn định trong thời gian dài không có ai tranh chấp, đồng thời bị đơn cũng xác định nguồn gốc đất là của cha là ông Huỳnh Văn Đ cho và có văn bản chứng minh các anh chị em không ai tranh chấp phần đất này nên cần tiếp tục cho bị đơn sử dụng ổn định. Bị đơn có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát không cùng quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ổn định cho sử dụng phần đất này là có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về chi phí tố tụng phúc thẩm: Chi phí đo đạc 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nguyên đơn chịu, đã nộp và chi xong

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông B không được chấp nhận, dó đó căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng. Tuy nhiên, do ông B là người cao tuổi thuộc trưng hợp miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 83/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

2.1 Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn B đòi bị đơn Huỳnh Văn N phải trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 55,6 m² tọa lạc tại Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 21/TTKTTNMT ngày 16/6/2021.

2.2 Ổn định diện tích 55,6 m² cho ông Huỳnh Văn N sử dụng theo Bản trích đo địa chính số 21/TTKTTNMT ngày 16/6/2021, có diện tích các số đo cụ thể như sau: chiều dài giáp đất ông Trần Văn B là 11,3m; chiều dài giáp đất bà

Nguyễn Thị Trinh là 11,68m; chiều ngang phía sau giáp hộ Trần Văn B là 5,47m, chiều ngang phía trước nhà giáp đường đi là 4,2m. Ông Huỳnh Văn N có nghĩa vụ tự liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định. (Có Bản trích đo kèm theo).

2.3 Về chi phí đo đạc, định giá: Nguyên đơn Trần Văn B phải chịu 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Do nguyên đơn đã nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và bị đơn đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nên nguyên đơn Trần Văn B có nghĩa vụ hoàn lại cho bị đơn Huỳnh Văn N số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) trong giai đoạn thi hành án.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn B theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về chi phí tố tụng phúc thẩm: Chi phí đo đạc 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nguyên đơn chịu, đã nộp và chi xong.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Văn B theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Loan

